

Nhóm BĐS dẫn dắt thị trường TPDN trong T10

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T10 đạt 66.8 nghìn tỷ đồng (+12.4% so với T9, +79.2% svck). Lũy kế 10T25, tổng giá trị TPDN phát hành đạt gần 500.4 nghìn tỷ đồng, tăng 46.5% svck.
- Lũy kế từ đầu năm đến nay, ước tính khoảng 257.8 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+58.4% svck).
- Đến cuối T10, lợi suất TPCP kỳ hạn 10N neo ở mức cao nhất kể từ T3/23 tại 3.82%/năm.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Thị trường TPDN tháng 10 tăng tốc, nhóm Bất động sản bứt phá mạnh

Thị trường TPDN T10 ghi nhận 55 đợt phát hành với tổng giá trị phát hành gần 66.8 nghìn tỷ đồng (+12.4% so với T9, +79.2% svck). Đáng chú ý, nhóm Bất động sản lần đầu tiên trong năm nay vượt qua nhóm Ngân hàng để dẫn dắt thị trường, với tổng giá trị phát hành đạt 32.7 nghìn tỷ đồng, tăng 153% so với tháng trước và chiếm gần 49% tổng giá trị phát hành trong tháng. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: CTCP Thời Đại Mới T&T (8.05 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 12 - 36 tháng, lãi suất 9% - 9.5%), Công ty TNHH Hưng Phát Invest Hà Nội (7.65 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 18 tháng, lãi suất 9%), Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh (4.5 nghìn tỷ, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 9.8%). Ở chiều ngược lại, quy mô phát hành của nhóm Ngân hàng giảm 32.3% so với tháng trước, đạt 29.6 nghìn tỷ đồng - mức thấp nhất kể từ T3/25, dù vẫn tăng 32% svck.

Về hoạt động phát hành ra công chúng, thị trường ghi nhận 4 đợt phát hành có tổng giá trị 2.3 nghìn tỷ đồng đến từ Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Á và CTCP Chứng khoán DNSE. Theo đó, tổng giá trị trái phiếu phát hành ra công chúng trong 10T25 đạt gần 50.6 nghìn tỷ đồng, tăng 51.8% so với cả năm 2024.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt gần 500.4 nghìn tỷ đồng, tăng 46.5% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 10T25 ước đạt khoảng 7.1% cao hơn mức 6.95% của 9T25.

Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với hơn 345.7 nghìn tỷ (+42.8% svck), chiếm tỷ trọng 69%. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 5.9%/năm, kỳ hạn bình quân 4.5 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: TCB (46 nghìn tỷ đồng), ACB (36.5 nghìn tỷ đồng), và OCB (32.7 nghìn tỷ đồng).

Nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng 22.1% trong 10T25 với tổng giá trị phát hành đạt 110.8 nghìn tỷ đồng, tăng 103.8% svck. Lãi suất bình quân gia quyền nhóm bất động sản là 10.2%/năm, kỳ hạn bình quân là 2.8 năm. Các doanh nghiệp phát hành giá trị lớn nhất bao gồm: Tập đoàn Vingroup (24 nghìn tỷ đồng), CTCP Vinhomes (15 nghìn tỷ đồng) và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh (10 nghìn tỷ đồng).

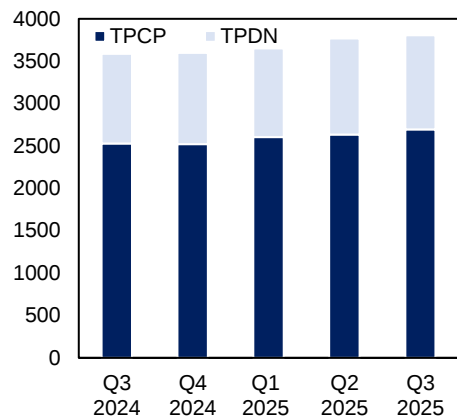
Hoạt động mua lại TPDN giảm mạnh trong tháng 10

Trong T10, giá trị TPDN mua lại trước hạn đạt khoảng 19.5 nghìn tỷ đồng - mức thấp nhất trong 6 tháng qua. Trong đó, nhóm Ngân hàng chiếm tỷ trọng áp đảo 90%, tương ứng 17.5 nghìn tỷ đồng, trong khi nhóm Bất động sản ghi nhận mức mua lại khoảng 792 tỷ đồng, chiếm 4.1%. Lũy kế 10T25, khoảng 257.8 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+58.4% svck), phần lớn nhờ giá trị mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm 68% tổng giá trị mua lại, +47% svck) và nhóm Bất động sản (chiếm 16.9% tổng giá trị mua lại, +129% svck).

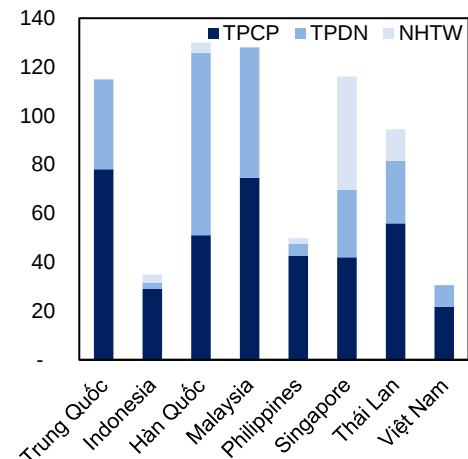
Tháng 10 ghi nhận 10 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi

Về tình hình chậm trả, T10 ghi nhận 10 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với giá trị chậm trả gần 4.1 nghìn tỷ đồng. Trong đó có 4 mã trái phiếu công bố chậm trả lần đầu với tổng mệnh giá 1.5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 10T25, tổng giá trị phát hành của các TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 67.6 nghìn tỷ

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (Nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q3 2025)



Chuyên viên phân tích

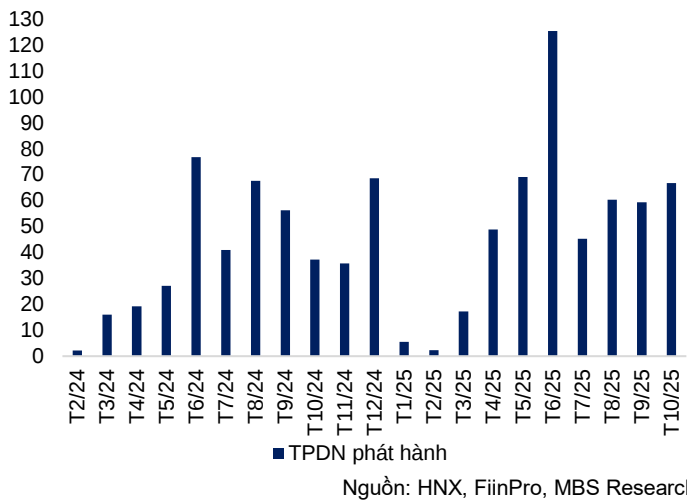


Đinh Hà Anh

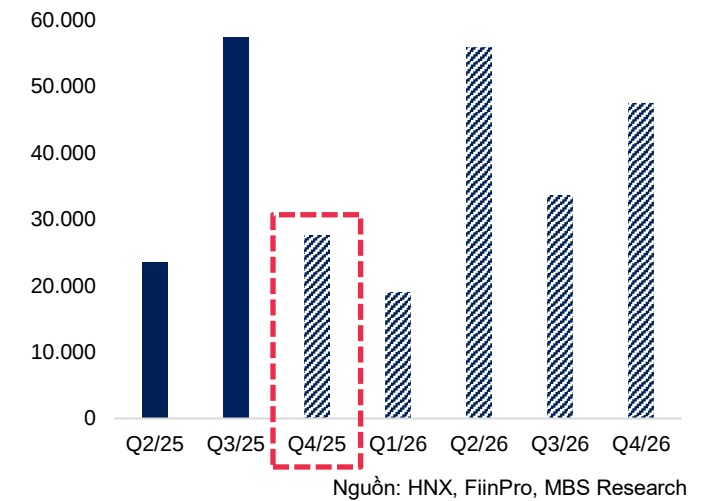
Anh.DinhHa@mbs.com.vn

đồng, chiếm khoảng 4.8% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với 72%.

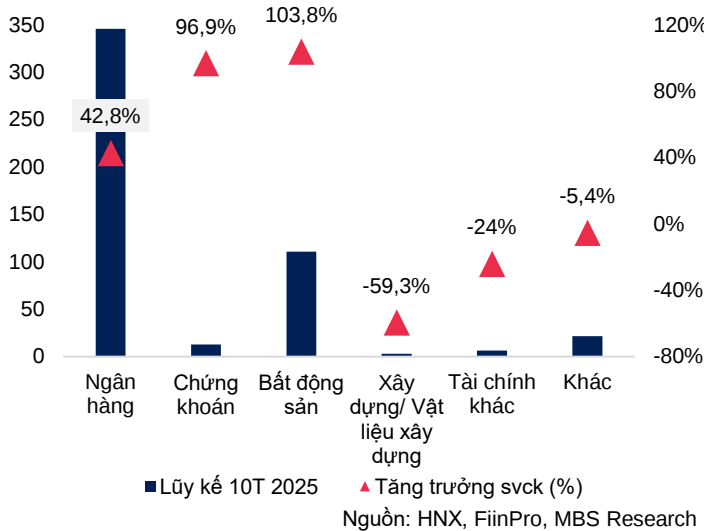
Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/11)



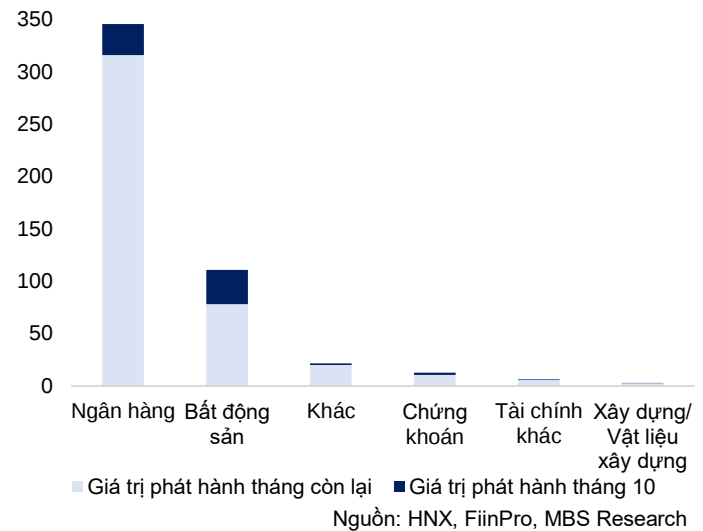
Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



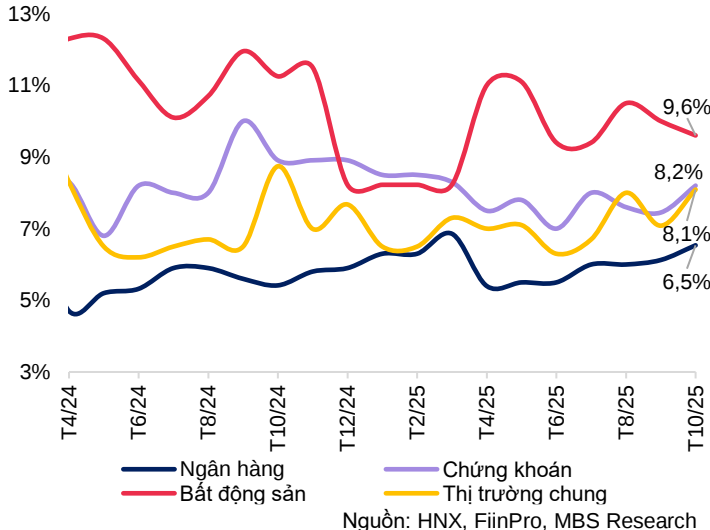
Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



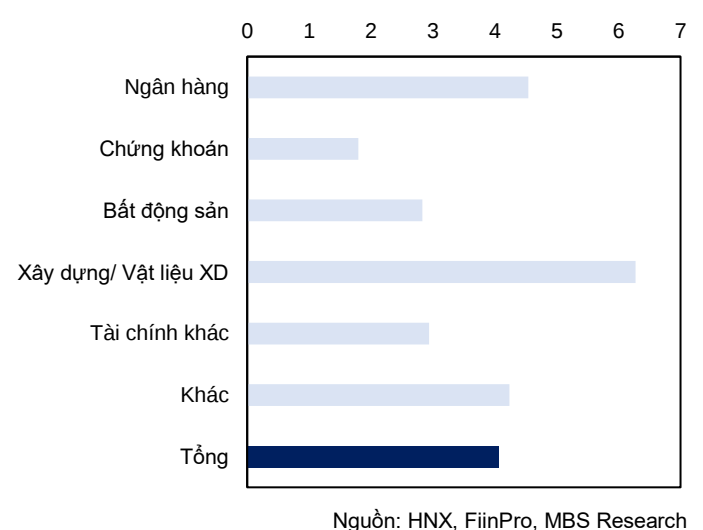
Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



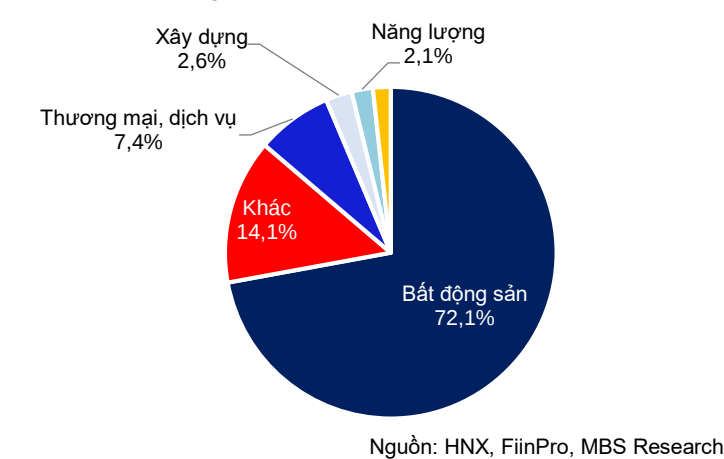
Hình 5: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



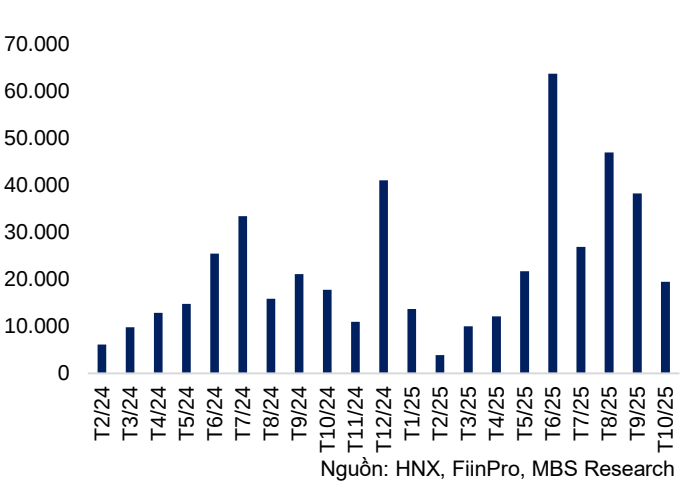
Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2025 theo nhóm ngành (năm)



Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 67 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Tỷ đồng) (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/11)



Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 27,740 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong T10, KBNN tiếp tục gia tăng quy mô chào bán TPCP, với tổng giá trị gọi thầu đạt 67.5 nghìn tỷ đồng - tăng 25% so với T9. Trong đó, hơn 27.7 nghìn tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 41.1% - tăng 9.7% so với tháng trước. Theo đó, khối lượng TPCP phát hành trong T10 đã hoàn thành 19.1% kế hoạch Q4. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2025, KBNN đã phát hành tổng cộng hơn 283.4 nghìn tỷ đồng TPCP, hoàn thành 56.7% kế hoạch cả năm. Trong đó, kỳ hạn 10N có giá trị phát hành lớn nhất với gần 233.3 nghìn tỷ đồng. Trong thông báo ngày 30/10, KBNN dự kiến sẽ phát hành thêm khoảng 54 nghìn tỷ đồng TPCP trong T11.

Trong bối cảnh tốc độ giải ngân đầu tư công tiếp tục tăng tốc mạnh mẽ gây áp lực lên nhu cầu vốn ngân sách, lợi suất trái phiếu tại tất cả các kỳ hạn tiếp tục được điều chỉnh tăng từ 11 - 40 điểm cơ bản nhằm thu hút dòng tiền. Trong đó, lợi suất kỳ hạn 5N tăng 11 điểm cơ bản lên mức 3.14%/năm. Bên cạnh đó, lợi suất kỳ hạn 10N và 15N cũng lần lượt tăng 21 và 40 điểm cơ bản lên mức 3.8%/năm và 3.85%/năm vào cuối T10.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2025 đến nay (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2025	KBNN đã phát hành 2025	% Kế hoạch KBNN 2025
3 Năm	40,000		
5 Năm	100,000	34,397	34%
7 Năm	10,000	0	0%
10 Năm	230,000	233,262	101%
15 Năm	85,000	12,230	14%
20 Năm	10,000	500	5%
30 Năm	25,000	3,041	12%
Tổng	500,000	283,429	56.7%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 30/10/2025

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

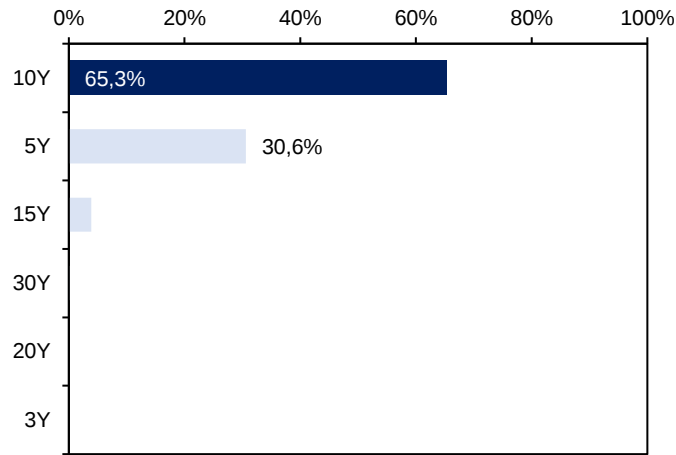
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T10/2025 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	15,500	8,497	55%	3.07% - 3.14%
7N				
10N	42,000	18,115	43%	3.64% - 3.80%
15N	7,500	1,080	14%	3.74% - 3.85%
20N				
30N	2,500	48	2%	3.8% - 3.89%
Tổng	67,500	27,740	41.1%	Đơn vị: Tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 30/10/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

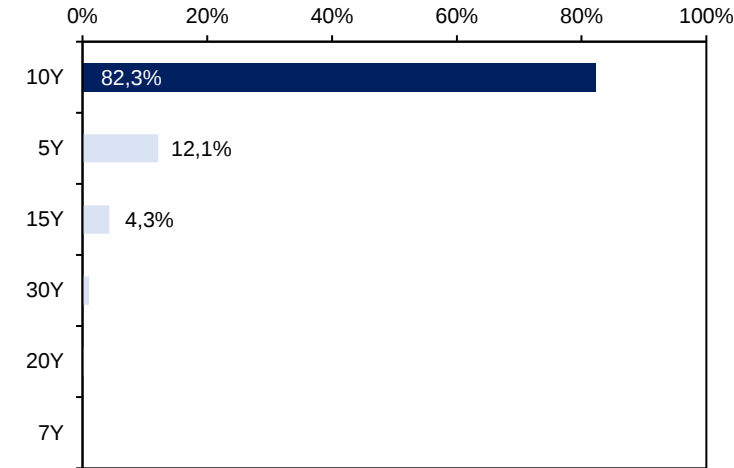
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T10/2025



*Tính đến thời điểm 30/10/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

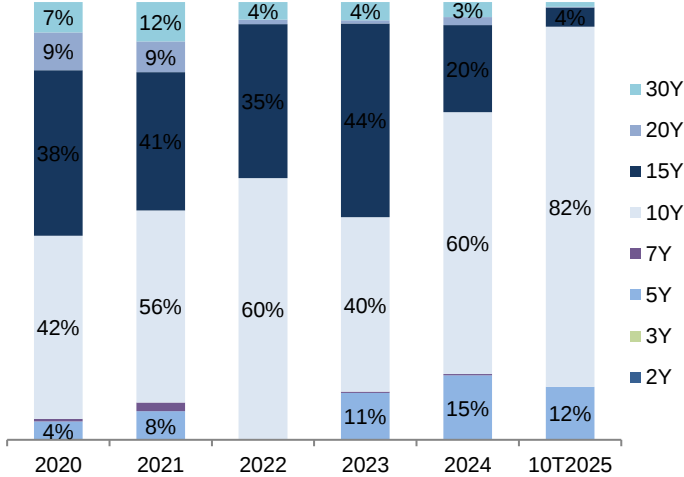
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2025



*Tính đến thời điểm 30/10/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 30/10/2025

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2024
Mỹ	4.08	7.68	-7,3	-49.2
EU	2.63	0.71	-7,7	26.6
Nhật Bản	1.67	1.00	2,1	53.3
Trung Quốc	1.80	-5.33	-7,4	12.2
Hàn Quốc	6.53	-0.28	-4,5	-22.8
Ấn Độ	6.08	8.36	-28,9	-94.2
Malaysia	3.06	14.80	11,8	18.7
Singapore	3.49	0.50	3,9	-32.4
Indonesia	4.70	3.98	-1,2	-70.6
Philippines	1.96	10.42	1,6	-91.8
Thái Lan	1.77	1.75	29,5	-51.9
Việt Nam	3.82	2.70	19,7	85.1

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

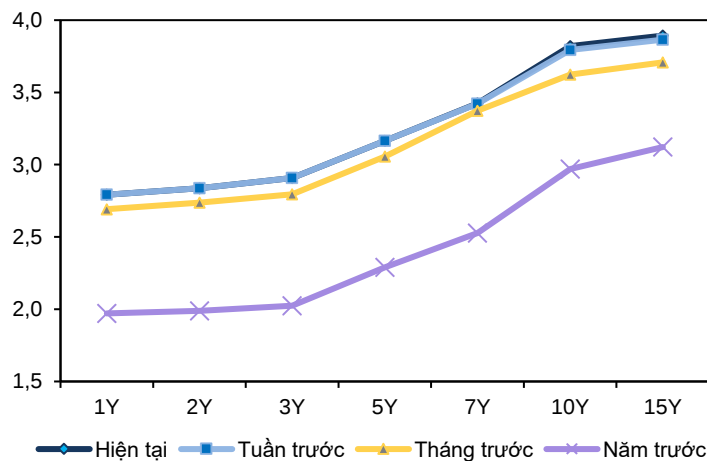
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp tăng 0.6% so với tháng trước. NĐTNN mua ròng gần 281 tỷ đồng TPCP trong tháng 10.

Lợi suất kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong suốt tháng 10. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức cao nhất kể từ T3/2023 tại 3.82%/năm (+20 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), trong khi lợi suất kỳ hạn 2N cũng tăng 10 điểm cơ bản so với tháng trước lên mức 2.84%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt gần 16.9 nghìn tỷ đồng, tăng 0.6% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 72% khối lượng trong kỳ với khoảng 280.6 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch đạt 12.2 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 1.4% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch Repos bình quân giảm 1.6% so với tháng trước, với giá trị giao dịch ghi nhận 4.66 nghìn tỷ đồng/ngày. Trong tháng 10, nhà đầu tư nước ngoài đã quay trở lại mua ròng gần 281 tỷ đồng, qua đó, đưa lượng mua ròng lũy kế của khối ngoại từ đầu năm 2025 lên 2.7 nghìn tỷ đồng.

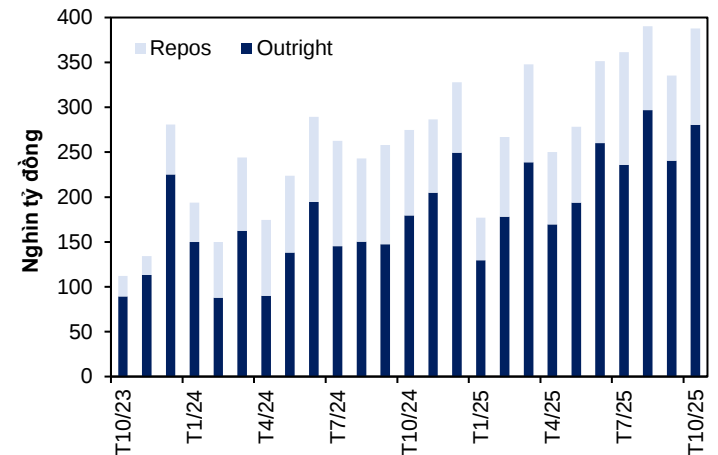
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

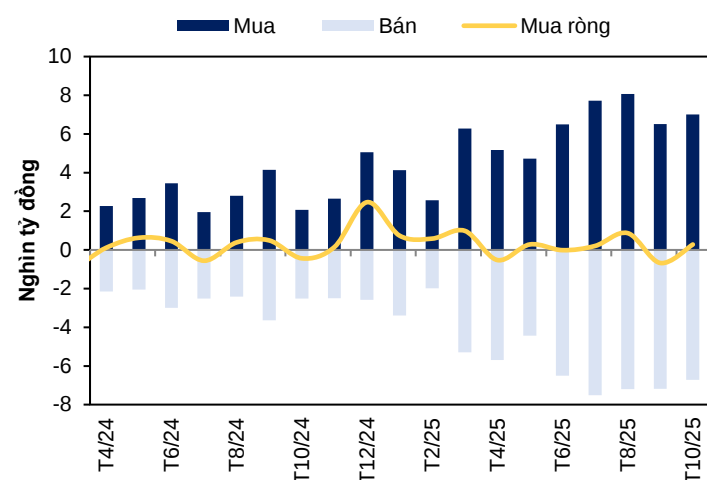
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: HNX, MBS Research

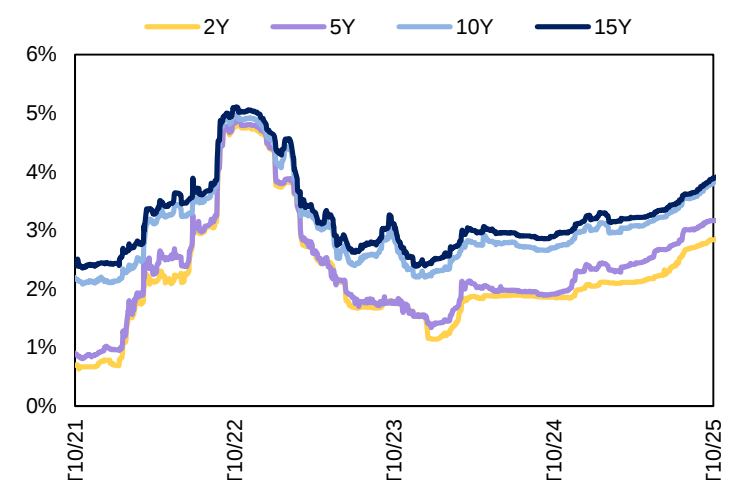
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	46,000	5.0% - 6.1%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 5	36,450	4.95% - 6.3%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2 - 3	32,700	5.1% - 6.5%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3 - 5	31,965	5.2% - 5.86%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3 - 10	29,844	5.0% - 6.48%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	24,000	11.0%-12.5%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7 - 20	23,000	5.68% - 6.4%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2 - 15	22,470	5.2% - 6.68%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8 - 15	16,350	5.73%-6.35%
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	3 - 10	16,050	5.8% - 7.88%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	5	80	13.5%
CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	2	4,000	12.5%
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0%-12.5%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	389	12.0%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 - 3.2	24,000	11.0%-12.5%
CTCP Vinhomes	3.25 - 3.5	15,000	11.0%
CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	3	3,714	11.0%
CTCP Đầu tư Nam Long	3	660	11.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 9 và tháng 10

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH ENCAPITAL	09/2025	180	9.5%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	09/2025	3,000	5.85%	36
HDC	Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	09/2025	300	10.5%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	100	6.78%	120
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	09/2025	3000	5.6%	36
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh	09/2025	3000	8.95%	12
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh	09/2025	2500	8.95%	12
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	50	7.28%	120
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	09/2025	3000	5.85%	24
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh	09/2025	610	9.2%	96
BMS	Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Minh	09/2025	200	8.5%	60
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	102	7.28%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	415	5.68%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	09/2025	1,500	5.9%	36
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	09/2025	500	9.2%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	150	7.28%	120
SBT	CTCP THÀNH THÀNH CÔNG - BIỂN HÒA	09/2025	499	9.5%	12

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	09/2025	1000	5.8%	36
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	09/2025	2000	5.6%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	600	6.26%	180
TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	09/2025	300	7.5%	24
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	09/2025	7,565	5.86%	60
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	327.4	7.28%	120
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	09/2025	500	7.47%	96
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	09/2025	1000	5.8%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	250	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	120	5.68%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	09/2025	500	7.47%	96
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	09/2025	1000	9.72%	60
ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	09/2025	1,000	8.3%	36
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	09/2025	750	7.65%	84
MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	09/2025	500	7.0%	24
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	09/2025	2425	7.18%	96
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	09/2025	2500	11.0%	24
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	09/2025	2800	5.7%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	320	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2025	150	6.3%	180
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	09/2025	200	7.18%	96
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	09/2025	3,500	11.0%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	09/2025	1000	6.1%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	09/2025	1000	6.3%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	09/2025	1000	6.0%	24
NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	09/2025	1600	6.85%	84
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	09/2025	2000	6.1%	24
	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa	09/2025	100	9.0%	24
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	09/2025	745	6.2%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2025	75	7.28%	120
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	09/2025	2000	5.9%	24
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	09/2025	1259	5.87%	36
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực	10/2025	180	7.25%	60
	CTCP Kinh doanh F88	10/2025	250	10.0%	18
KHG	CTCP Tập Đoàn Khai Hoàn Land	10/2025	80	13.5%	60
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10/2025	1,000	6.5%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10/2025	600	6.3%	24
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	138	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	5.93%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	5.83%	96
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	10/2025	500	7.47%	96
	Công ty Cổ phần Chứng khoán UP	10/2025	13.3	9.0%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2025	500	6.2%	24
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	10/2025	1,000	8.0%	12
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10/2025	1,000	6.5%	36
SHS	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	10/2025	360	8.0%	12
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	10/2025	800	6.3%	36
	Công ty TNHH Mặt Trời Hạ Long	10/2025	408	7.54%	60

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	10/2025	2500	6.8%	84
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	10/2025	500	6.3%	36
	CTCP May - Diêm Sài Gòn	10/2025	500	9.0%	108
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10/2025	1575	7.18%	96
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Hải Đăng	10/2025	3800	8.95%	12
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	10/2025	450	7.48%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	350	7.18%	96
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	900	7.02%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	100	7.17%	120
	Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T	10/2025	2500	8.95%	12
	Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T	10/2025	5550	9.45%	36
	Công ty TNHH Hưng Phát Invest Hà Nội	10/2025	7650	9.0%	18
	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh	10/2025	4500	9.8%	36
VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	10/2025	299.407	7.6%	84
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10/2025	1,000	6.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2025	2000	6.68%	84
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10/2025	2,000	6.1%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	300	7.03%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	100	6.3%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	75	6.0%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10/2025	347	5.68%	84
	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Quang	10/2025	1000	9.1%	108
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực	10/2025	300	7.0%	60
	CTCP Phát triển TN	10/2025	2950	8.75%	60
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10/2025	2,000	6.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2025	270.9	7.28%	120
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	10/2025	50	7.48%	84
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10/2025	3000	6.0%	36
DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	10/2025	1000	8.3%	24
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	10/2025	380	7.65%	84
	CTCP Đầu tư xây dựng Thái Sơn	10/2025	4,000	12.5%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	2000	6.5%	36
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	10/2025	2,000	6.5%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	2000	6.5%	36
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	10/2025	120	8.2%	71
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2025	200	7.18%	96
CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	10/2025	1,250	5.5%	120
VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	10/2025	135	10.0%	36

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

KHOI NGHIEN CUU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu <i>Trần Thị Khánh Hiền</i>	Trưởng phòng <i>Nguyễn Tiến Dũng</i>	
Vĩ mô & Chiến lược thị trường <i>Ngô Quốc Hưng</i> <i>Nghiêm Phú Cường</i> <i>Đinh Hà Anh</i>	Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính <i>Đinh Công Luyện</i> <i>Phạm Thị Thanh Hương</i>	Bất động sản - VLXD <i>Nguyễn Minh Đức</i> <i>Lê Hải Thành</i> <i>Phạm Thị Thanh Huyền</i>
Logistics – Vật liệu cơ bản <i>Võ Đức Anh</i>	Công nghiệp – Năng Lượng <i>Nguyễn Hà Đức Tùng</i> <i>Mai Duy Anh</i>	Dịch vụ - Tiêu dùng <i>Nguyễn Quỳnh Ly</i>